

# VẤN ĐỀ THÀNH HOÀNG LÀNG

ĐINH KHẮC THUẬN<sup>(\*)</sup>

**T**hần và Thành hoàng là một trong những đề tài thu hút nhiều công trình nghiên cứu ở Việt Nam<sup>(1)</sup>. Tuy vậy, hiện vẫn còn đôi điều liên quan đến nguồn gốc Thành hoàng làng và nhất là thời điểm mà Thành hoàng được thờ phổ biến ở đình làng.

Khi nói đến Thành hoàng, ai cũng đều rõ là tên gọi từ Trung Quốc, chỉ vị Thần bảo hộ, nhưng bảo hộ nơi đô hội, thành trì, bởi "thành" là thành lũy và "hoàng" là hào sâu bao bọc thành lũy<sup>(2)</sup>. Còn Thành hoàng ở Việt Nam là Thành hoàng làng, Thần bảo hộ của làng xóm thường gắn với ngôi đình chung<sup>(3)</sup>. Thành hoàng ở Trung Quốc có từ rất xa xưa, nhưng vấn đề thời điểm du nhập vào Việt Nam và trở thành tín ngưỡng Thành hoàng ở Việt Nam thì đang còn những kiến giải khác nhau. Trong đó có hai mốc thời gian được giả định: một là vào cuối thế kỉ XIII hoặc đầu thế kỉ XIV, khi Nho giáo bắt đầu thịnh hành ở Việt Nam và một là vào thế kỉ XV, khi Nho giáo trở thành quốc giáo trong phạm vi cả nước<sup>(4)</sup>.

Để hiểu rõ hơn các thời kì du nhập tín ngưỡng Thành hoàng vào Việt Nam, thiết nghĩ trước hết cũng cần điểm lại khái lược về tín ngưỡng Thành hoàng ở Trung Quốc qua các thời kì lịch sử. Thần Thành hoàng bảo vệ cho thị dân ở các đô thị Trung Quốc vốn đã xuất hiện rất sớm, nhưng tài liệu thư tịch ghi lại sớm nhất là vào năm 555 thuộc Bắc Tề, đến thời Đường thì tín ngưỡng Thành hoàng khá thịnh hành "mỗi châu, huyện đều phải có Thần Thành hoàng". Đến thời Tống, việc cúng lễ Thành hoàng được liệt vào điển lễ thờ phụng. Sang đến thời Minh thì tín ngưỡng Thành hoàng đạt đến đỉnh cao. Bởi chính Chu Nguyên Chương (tức Minh Thái Tổ) chủ trương tăng cường chính quyền trung

ương tập quyền, đồng thời tập trung quyền cho Thần Thành hoàng. Khi sắc phong cho Thần Thành hoàng, vị vua này đã khẳng định dụng ý là: "Trăm lập Thần Thành hoàng để mọi người biết sợ. Người có sợ thì mới không dám làm càn"<sup>(5)</sup>. Sau đó, cho định lệ quy chế miếu Thần và cho lập miếu

\*. Tiến sĩ, Viện Nghiên cứu Hán Nôm.

1. Ví dụ như: Nguyễn Văn Huyền. "Contribution à l'étude d'un génie tutélaire annamite Lý Phục Man", trong *B'EFEO*, t. XXXVIII, fasc. 1, 1939, tr. 16-30; Nguyễn Văn Khoan. "Essai sur le đình et le culte du génie tutélaire des villages au Tonkin", *B'EFEO*, t. XXX fasc 1 - 2, H. 1930, tr. 116 - 119; Đào Duy Anh. *Việt Nam văn hoá sử cương*, Bốn phương 1961, tr. 207-209; Toan Ánh. *Nếp cũ: Tín ngưỡng Việt Nam* (q. thượng), tái bản, Tp. Hồ Chí Minh, 1992, tr. 133 -134; Nguyễn Duy Hinh. *Tín ngưỡng thành hoàng Việt Nam*, Hà Nội, KHXH, 1996, tr. 12-100; Hà Văn Tấn, Nguyễn Văn Kự. *Đình Việt Nam*, Nxb Tp. HCM, 1998, tr. 49-56; Bezacier Louis. *L'art vietnamien*, Paris, 1955, tr. 21-23.
2. Chữ "hoàng" theo *Thuyết văn giải tự* được giải thích là "thành trì. Có nước gọi là trì, còn không có nước gọi là hoàng" (Hoàng, thành trì đã. Hữu thủy viết trì, vô thủy viết hoàng). Theo *Trung Quốc Đạo giáo*, Thượng Hải, 1994 (4 tập), t. 3, tr. 109.
3. Bình Nguyên Lộc. *Nguồn gốc Mã Lai của dân tộc Việt Nam*, Sài Gòn, Lá Bối, 1971, tr. 440.
4. Trần Lâm Biền. "Quanh ngôi đình làng - Lịch sử" trong *Nghiên cứu Nghệ thuật*, 4/1983, tr. 43; Nguyễn Du Chi. "Nghệ thuật kiến trúc thời Mạc" trong *Mĩ thuật thời Mạc*, Viện Mỹ thuật, H. 1993, tr. 36; Nguyễn Hồng Kiên. *Đình làng Việt Nam*, Văn hoá, H. 1993, tr. 13.
5. "Mỗi châu huyện, tất hữu Thành hoàng Thần; "Trăm lập Thành hoàng Thần sử nhân tri ụy, nhân hữu sở ụy, tác bất cảm võng vi". *Trung Quốc Đạo giáo*, t. 3, Thượng Hải 1994, tr. 110-111; Xem thêm Vương Vĩnh Khiêm. *Thổ địa dữ Thành hoàng tín ngưỡng*, Học Uyển xuất bản xã xuất bản, Bắc Kinh 1994, tr. 174-181.

Đô Thành hoàng ở Kinh đô do nhà nước tế lễ vào hai kì xuân, thu hàng năm, cùng cho lập miếu Thành hoàng ở các phủ, châu, huyện do các quan sở tại tế lễ. Thành hoàng khi này được xem như một vị Thần che chở cho dân và giám sát quan lại. Lại chính vị vua Thái Tổ này nói: "Trẫm lập Thành hoàng ở kinh đô để cai quản các thần ở phủ, châu, huyện, cùng giám sát cái thiện ác của dân và họa phúc của họ"<sup>(6)</sup>.

Nhà Thanh tiếp tục thể lệ này của nhà Minh, nhưng phân miếu Đô Thành hoàng làm hai loại: một tại Bắc Kinh và một tại Thẩm Dương<sup>(7)</sup>.

Có lẽ do tiếp cận được những thông tin này mà một số nhà sử học Việt Nam gần đây đã phân Thành hoàng Việt Nam làm hai loại: một là Đô Thành hoàng được thờ ở kinh đô tương tự Đô thành hoàng ở Trung Quốc, còn một loại là Thành hoàng làng.

Ngay trong thời kì Bắc thuộc, vào năm 823, Thần Tô Lịch trở thành vị Thần bảo hộ La Thành đầu tiên. Nhà Lý định đô ở Thăng Long năm 1010, cũng cho dựng miếu thờ Thần Tô Lịch. Vào thời Trần, còn thấy Thần Long Đỗ được lập miếu thờ ở Thăng Long, cùng Thần Thổ Địa được lập thờ ở Đàng Châu (nay thuộc địa phận thị xã Hưng Yên)<sup>(8)</sup>. Trong thời kì thuộc Minh (1414 - 1427), nhiều miếu Thần do các quan lại phương Bắc đến trấn trị đã được dựng ở Thăng Long và các châu phủ theo quy cách nhà Minh. Theo cách thức này, vua Lê Nhân Tông thời Lê Sơ vào năm 1449 cho dựng lại miếu Đô Đại Thành hoàng ở Thăng Long, sau đó vào năm 1464 định thể lệ tế lễ Bách Thần và phân làm ba hạng: Thượng, Trung và Hạ đẳng thần<sup>(9)</sup>. Vào thời Nguyễn, miếu Thành hoàng bảo vệ kinh đô Huế cũng được dựng vào cuối thế kỉ XIX<sup>(10)</sup>. Các trường hợp trên tương tự Thành hoàng ở kinh đô và thành thị của Trung Quốc.

Ngoài ra ở các vùng thôn quê, người dân địa phương dựng các miếu Thần để thờ cúng mà phần lớn các vị Thần này thời Lý Trần đều là Phúc thần như 26 vị kê trong

*Việt Điện u linh*<sup>(11)</sup>. Chẳng hạn vị Thủy quốc linh thần được thờ ở đền Trần Tân (Thuận Thành, Bắc Ninh) từng được nhiều địa phương lân cận xin rước thủy hiệu về thờ vào những năm cuối nhà Lý<sup>(12)</sup>. Cũng trong thời kì nhà Lý, triều đình rất coi trọng việc lập miếu thờ Thần: "Vua Lý Cao Tông, khi đi thăm thú núi sông, đến đâu có Thần linh, đều cho phong hiệu và cho lập miếu thờ"<sup>(13)</sup>. Có nghĩa là trong dân gian đã xuất hiện từ rất sớm miếu Thần, mà phần lớn trong số đó vẫn tồn tại đến ngày nay, còn một số khác thì trở thành đình làng.

Thực tế cho biết hầu hết những văn bia có niên đại từ thế kỉ XVI về trước hiện đặt tại đình vốn là những văn bia miếu Thần. Chẳng hạn trường hợp đình La Mai (Hoa Lư, Ninh Bình) hiện nay có một bia đá dựng vào thế kỉ XVI vốn là văn bia miếu La Mai<sup>(14)</sup>. Tương tự như vậy, một số sắc phong Thần có niên đại sớm hiện có ở đình cũng là sắc phong cho Thần ở miếu hoặc đền. Cụ thể như một sắc phong cho Thần ở đình Tử Dương, Ứng Hoà, Hà Tây vào năm Sùng Khang 9 (1574). Sắc phong này thuộc đình Tử Dương, nhưng khi ban sắc phong vào thế kỉ XVI thì Tử Dương là đền và Thần

6. Vương Vĩnh Khiêm. *Thổ địa dữ Thành hoàng tín ngưỡng*. Sđd, t. 3, tr. 110.

7. Xem: *Trung Quốc Đạo giáo*. Sđd, t. 3, tr. 110.

8. Xem: Hà Văn Tấn, Nguyễn Văn Kự. *Đình Việt Nam*. Sđd, tr. 50.

9. *Đại Việt sử kí toàn thư* (bản kỉ), t. 4 (bản dịch), 1985, tr. 368; Hà Văn Tấn, Nguyễn Văn Kự. *Đình Việt Nam*, Sđd, tr. 50; Nguyễn Duy Hình. *Tín ngưỡng Thành hoàng Việt Nam*. Sđd, tr. 73.

10. Nhà Nguyễn cho dựng miếu Hội đồng để cúng Bách thần. Xem Huỳnh Đình Kết. *Tục thờ thần ở Huế*, Nxb Huế, Thuận Hoá, 1998, tr. 116.

11. Lý Tế Xuyên. *Việt điện u linh*, sách chữ Hán, biên soạn vào năm 1329 đời Trần, (bản dịch), Hà Nội, Nxb Văn hoá, 1994, 101tr.

12. Xem: *Văn khắc Hán - Nôm Việt Nam*. Nxb KHXH, Hà Nội, 1993, tr. 260 - 263.

13. *Đại Việt sử kí toàn thư*. Sđd, t. 4., tr. 353.

14. Văn bia đình La Mai khắc năm 1589 thời Mạc cho biết khi đó là đền La Mai. Đây là văn bia mới được phát hiện, kí hiệu thác bản 29146 -7.

được thờ ở đây là Thần từ, chứ không phải là Thần Thành hoàng như ở đình hiện nay: "... Ngôi đền này xứng đáng được thăng lên hạng Thượng đẳng. Nay ban sắc, ngày 6 tháng 11 năm Sùng Khang 9 (1574)"<sup>(15)</sup>. Bên cạnh đó, ngay từ thế kỉ XVI, nhiều làng xã đã có chùa Phật, miếu Thần và đình riêng: "Bên trái chùa có đền thờ Thánh linh ứng, bên phải có cửa đình đông vui" (Tả hữu Thánh từ linh ứng, hữu hữu huyền náo đình môn)<sup>(16)</sup>.

Như vậy từ thế kỉ XV, XVI với sự xuất hiện của ngôi đình thì việc thờ cúng Thần linh đã chuyển hoá dần từ miếu sang đình. Chẳng vậy mà việc thờ Hậu Thần, gửi giỗ ở đình ngày càng phổ biến từ thế kỉ XVII trở đi. Điều đó phù hợp với kiến trúc đình thời Mạc như trình bày ở trên là đình chưa có Hậu cung, nơi thực hiện chức năng thờ Thần Thành hoàng. Tuy nhiên, điều nổi bật ở đây là việc thờ Thần trong giai đoạn này đã khá phổ biến và được thể chế hoá bằng những quy định của nhà nước. Một trong những thể chế đó là văn bản hoá sự tích Thần và sắc phong Thần.

Sự tích Thần được văn bản hoá thành những bản Thần tích hay Ngọc phả. Hiện nay trong kho Thần tích ở Thư viện Viện Hán Nôm có tới 568 cuốn<sup>(17)</sup>. Trong đó, những bản Thần tích sớm nhất hiện biết là một số bản được biên soạn dưới niên hiệu Hồng Đức (1470-1497) thời Lê Sơ. Chẳng hạn bản Thần tích Hùng Vương do Hàn lâm viện Trực học sĩ Nguyễn Cố biên soạn vào năm Hồng Đức 1 (1470)<sup>(18)</sup>. Tiếp đó là hàng loạt bản Thần tích khác do Đại học sĩ Nguyễn Bính biên soạn vào năm 1572 mà sau đó được Quản giám bách Thần Nguyễn Hiền sao và nhân bản vào những năm Vĩnh Hựu 2 và 3 (1736, 1737)<sup>(19)</sup>. Như vậy là văn bản Thần tích xuất hiện chủ yếu từ thế kỉ XV và trở nên phổ biến vào thế kỉ XVI, sau đó được sao chép, nhân bản vào thế kỉ XVIII.

Một điều đáng lưu ý ở đây là tên Thần với tên gọi là "Đương cảnh Thành hoàng", "Bản cảnh Thành hoàng", thường gắn với tín ngưỡng Thành hoàng ở đình, lại mới chỉ xuất hiện trong các bản thần tích do

Nguyễn Hiền sao năm 1737, 1740<sup>(20)</sup>. Thêm nữa, trong số 21 vị Thần được Lê Quý Đôn sao chép năm 1777, có chỉ 3 vị được gọi là Thành hoàng<sup>(21)</sup>. Thực tế, những tên gọi "Đương cảnh Thành hoàng", "Bản cảnh Thành hoàng" này xuất hiện phổ biến trên các văn bản thời Nguyễn hơn là ở các văn bản thời Lê. Trong đó những tên gọi như "Bản cảnh Thành hoàng linh phù chi Thần", hoặc "Đương cảnh Thành hoàng" chưa hề gặp trên sắc phong thời Lê mà chủ yếu trên các sắc phong thời Nguyễn<sup>(22)</sup>. Vì thế có thể

15. Sắc phong này hiện đang được bảo quản tại kho lưu trữ Bộ Văn hoá và Thông tin, Hà Nội. Xem thêm: Cung Khắc Lược, Chu Quang Trứ. *Về đạo sắc Tử Dương thần từ sớm nhất hiện còn. Tạp chí Hán Nôm*, 1/1995, tr. 32-76. Tài liệu thư tịch cho biết sắc phong Thần có từ thời Lý. Song cho đến nay chưa thấy một văn bản gốc hay sao chép về sắc phong thời Lý - Trần nào. Vì vậy sắc phong thời Lê - Mạc hiện được coi là những sắc phong sớm nhất.

16. Đình Khắc Thuận. *Văn bia thời Mạc*. Nxb KHXH, Hà Nội, 1996, tr. 217.

17. Xem: *Bảng tra Thần tích theo địa danh làng xã*, Viện Nghiên cứu Hán Nôm, Nxb KHXH, Hà Nội, 1996, tr. 5.

18. Ngoài một số Thần tích do Nguyễn Cố soạn ra, còn có nhiều văn bản khác do Lê Tung biên soạn cùng thời kì này, như Thần tích làng Nội Xá (Hà Tây, AE a2/53), làng Đông Xá (Hưng Yên, AE a3/46), làng Dị Nậu (Hà Tây, AE a9/32).

19. Xem thêm: Mai Ngọc Hồng. *Nghiên cứu và đánh giá văn bản thần tích địa phương Thái Bình*, Luận án Tiến sĩ Ngữ văn, Viện Nghiên cứu Hán Nôm, 1996.

20. Mai Ngọc Hồng. *Sđd*, tr. 127.

21. Lê Quý Đôn. *Kiến văn tiểu lục*. Bản dịch, Hà Nội, 1977, tr. 435 - 440.

22. Ví dụ một sắc phong thời Nguyễn của một vị Thần làng Yên Đạm huyện Đường Hào tỉnh Hải Dương năm 1853 như sau: "Sắc Hải Dương tỉnh Đường Hào huyện Yên Đạm xã nguyên tự Thần hiệu, vị hữu dự phong, Tứ kim phi ứng cánh mệnh, đàm ân bố chiêm, đặc chuẩn cấp dữ Thành hoàng chi thần. Sắc phong nhất đạo, tặng vì *Bản cảnh Thành hoàng Linh phù chi Thần*. Nhưng chuẩn cai xã phụng sự. Thần kì tương hựu, bảo ngã lê dân. Khâm tai! Tự Đức lục niên thập nhất nguyệt sơ thập nhật". Dịch là "Sắc cho xã Yên Đạm huyện Đường Hào tỉnh Hải Dương nguyên trước vốn thờ phụng Thần hiệu, nhưng chưa được dự phong. Nay ta kể nối mệnh lớn, ban bố ân đức, đặc biệt làm Thần Thành hoàng, cấp một đạo sắc phong, sắc cho là *Bản cảnh Thành hoàng Linh phù chi Thần*. Cho phép xã này được thờ phụng Thần như cũ. thần hãy giúp đỡ, che chở cho dân lành. Hãy kính cẩn. Ngày 10 tháng 11 năm Tự Đức 6 (1853)".

nghĩ rằng việc thờ cúng Thành hoàng ở Việt Nam xuất hiện khá sớm, nhưng trở thành tín ngưỡng Thành hoàng phổ biến trong dân gian thì có thể mới từ thế kỉ XV, XVI; mặt khác tín ngưỡng này được thực hành ở ngôi đình làng như ngày nay đang được duy trì lại rất muộn.

Song song với việc văn bản hoá Thần tích là sắc phong của triều đình cho các vị Thần làng. Phần lớn sắc phong ở đình hiện biết là những sắc phong từ thế kỉ XVII, XVIII thuộc thời Lê Trung Hưng và vào thế kỉ XIX tiếp những năm đầu thế kỉ XX thuộc thời Tây Sơn và thời Nguyễn. Tuy vậy, chúng ta hiện tại cũng đã có được một số đạo sắc có niên đại vào thế kỉ XV và XVI. Đó là một số sắc phong Thần ở đền Quang Lang, xã Thụy Hải (Kiến Thụy, Thái Bình) dưới niên hiệu Hồng Đức thế kỉ XV và đạo sắc cho Thần làng Tử Dương (Thường Tín, Hà Tây) vào thế kỉ XVI như vừa nêu trên<sup>(23)</sup>.

Như vậy là việc thể chế hoá thờ cúng Thần do Nhà nước quy định được thực hiện rộng rãi từ thế kỉ XV, XVI. Cũng cần nhận biết một điều là tín ngưỡng Thành hoàng ở Trung Quốc phát triển đến cực điểm vào thời Minh như vừa nêu ở trên, đã trực tiếp du nhập vào Việt Nam trong suốt thời kì thuộc Minh, qua chính sách đô hộ của họ. Việc dựng miếu Thần và cúng tế Thần Thành hoàng ở các sở lí thuộc huyện, châu, phủ trong thời kì thuộc Minh là một nhiệm vụ của quan lại cai trị ở đây. Hơn nữa, Chu Nguyên Chương chủ trương tập trung quyền Thần Thành hoàng ở Trung Quốc, cũng đồng thời đề cao Thần linh ở Việt Nam. Chẳng vậy mà "ngay đầu thời Minh, Chu Nguyên Chương đã sai Nam Kinh triều thiên cung Đạo sĩ đến Việt Nam tế lễ Thần Tản Viên, Lô thủy"<sup>(24)</sup>. Ngay sau thời kì

thuộc Minh là sự hưng thịnh của triều Lê với thể chế chính trị về cơ bản được áp dụng theo mô hình nhà Minh. Vì vậy tín ngưỡng Thành hoàng cũng đồng thời trở lên phổ biến ở Việt Nam từ thời kì này. Đây cũng là thời kì xuất hiện đơn vị hành chính cơ sở là làng xã và ở đây xuất hiện ngày càng phổ biến đình làng, cũng như sự biến chuyển từ miếu sang đình trong thực hành tín ngưỡng Thành hoàng. Chính vì vậy, nhà nghiên cứu Trung Quốc Vương Tiểu Thuần cho rằng "Đình làng (Việt Nam) là vật tượng trưng làng xã (tương đương với miếu Thành hoàng ở Trung Quốc), thường là do các quan viên nghỉ hưu tổ chức xây dựng..."<sup>(25)</sup>.

Tóm lại, đình làng xuất hiện từ thế kỉ XV, cùng với tín ngưỡng Thành hoàng ngày càng trở nên phổ biến nơi làng xã. Tuy nhiên việc thờ cúng Thành hoàng ở ngôi đình thế kỉ XV, XVI thì chưa có. Đồng thời nó chưa hoàn toàn có đủ hai chức năng là tôn giáo và thực thi quyền lực như thường gặp ở mọi ngôi đình sau này mà nhiều nhà nghiên cứu đã khẳng định. Tuy vậy, ngôi đình ở thời kì này cũng là nơi làm lễ cầu phúc, tổ chức hội làng và cũng là nơi sinh hoạt của quan viên, hương lão, sắc mục trong làng./.

23. Những đạo sắc thời Hồng Đức này do Tiến sĩ Phạm Thụy Vinh mới phát hiện. Gần đây, Thạc sĩ Nguyễn Hữu Mùi cho biết có 3 đạo sắc phong cho Quận công Hồ Văn Khu, viên quan dưới thời Lê Trung Hưng ở xã Thanh Viên huyện Quỳnh Lưu (Nghệ An), có niên đại vào năm Hồng Phúc 1 (1571).

24. Vương Khả. *Lược sử Đạo giáo Việt Nam* (Bản dịch từ tiếng Trung Quốc của Nguyễn Thanh Hà và Nguyễn Xuân Diên) Tạp chí *Văn hoá dân gian*, 2(66)/1999, tr. 76-88.

25. Vương Tiểu Thuần. *Văn khắc và sử liệu làng xã. Diễn âm, diễn nghĩa, diễn ca và diễn tự* (Bản dịch từ tiếng Trung Quốc), Tạp chí *Hán Nôm*, 4/2000, tr. 91.